

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HS-PT
Ngày 26-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 155/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Quang T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Đặng Quang T, sinh năm 1994, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang T1 và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2014/HSST; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/11/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo, 01 người đại diện hợp pháp của bị cáo, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân H1 là đối tượng không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy đá (loại Methamphetamine). Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, từ khoảng đầu tháng 11/2023, H1 bắt đầu hoạt động mua bán trái phép chất ma túy. Để thực hiện, H1 liên lạc và mua ma túy của đối tượng tên Ken H2 (chưa rõ lai lịch) ở khu vực đường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó mang về phân chia thành nhiều gói nylon hàn kín chứa ma túy và cất giấu trong phòng trọ để bán lại với giá 300.000 đồng/gói. Các đối tượng cần mua ma túy thì liên lạc với H2 qua Facebook “Tuấn A”, nói rõ số tiền cần mua ma túy và địa điểm giao dịch, H2 sẽ đưa ma túy đến điểm hẹn. Ngoài ra, khi bán ma túy H2 còn dự định bán kèm theo nỏ thủy tinh để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Ngày 23/11/2023, H2 đặt mua 30 ống thủy tinh trên mạng xã hội Shopee với giá 60.000 đồng với mục đích chế tạo thành nỏ thủy tinh để bán cho người mua với giá 80.000 đồng/nỏ. Sau khi mua được 30 ống thủy tinh trên mạng, H2 dùng đầu khò, bình ga chế tạo 01 ống thủy tinh thành nỏ dùng sử dụng ma túy nhưng không được nên H2 cất 29 ống thủy tinh còn lại ở dưới chân cầu thang trong phòng trọ của mình tại đường NB4A thuộc khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương để bán với giá 60.000 đồng/ống cho người mua tự chế tạo thành nỏ. Ngày 25/11/2023, H2 đi xe dịch vụ “Grab” đến khu vực đường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tìm gặp Ken H2 và mua 01 gói ma túy đá với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, H2 đem về phân chia thành 12 gói nylon hàn kín và cất giấu vào trong 02 hộp vải màu đen, trắng để ở trong phòng trọ để bán.

Đặng Quang T, Huỳnh Thắng L và Lê Văn Đ là bạn bè với nhau, đều nghiện ma túy đá. Ngày 24/11/2023, Đặng Quang T và Lê Văn Đ không có tiền trả tiền thuê phòng trọ và bị chủ trọ đuổi ra khỏi phòng trọ. T gọi điện thoại cho bạn tên T2 (không rõ lai lịch) xin ở nhờ thì T2 đồng ý và kêu T và Đ đến phòng trọ số 02, nhà T, đường N, khu phố D, phường M, thành phố B để ở. Do T2 không có ở phòng trọ nên chỉ cho T chỗ cất chìa khóa phòng trọ để T và Đ lấy mở khóa vào ở. Đến khoảng 16 giờ ngày 25/11/2024, Huỳnh Thắng L cầm theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến chơi và ở lại phòng trọ với T và Đ.

Khoảng 12 giờ ngày 27/11/2023, T rủ L mua ma túy đá về sử dụng thì L đồng ý nhưng do không có tiền nên L điều khiển xe mô tô biển số 64F1- 384.95 chở T đi cầm Căn cước công dân của T được 500.000 đồng. Lợi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho H2 hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì Hòa đồng ý và hẹn L đến đường N, khu phố C, phường M giao dịch. L điều khiển xe chở T đến điểm hẹn gặp H2, mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Sau đó, L và T đưa ma túy về phòng trọ rủ Lê Văn Đ cùng sử dụng.

Khoảng 20 giờ ngày 28/11/2023, T rủ Đ và L mua ma túy đá về sử dụng thì Đ và L đồng ý. T đưa cho L 300.000 đồng và nói Đ đi cùng L để mua ma túy. L gọi điện thoại cho H2 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì Hòa đồng ý và hẹn giao ma túy tại đường T, khu phố C, phường M. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 64F1- 384.95 chở Đ đi đến điểm hẹn, Đ ngồi trên xe, còn L đi đến gặp H2 mua được 01 gói ma túy đá rồi đem về phòng trọ cùng Đ, T sử dụng.

Khoảng 13 giờ ngày 30/11/2023, T tiếp tục rủ Đ và L mua ma túy sử dụng

thì Đ và L đồng ý. T chuyển số tiền 300.000 đồng qua tài khoản MoMo của Đ để mua ma túy. Sau đó, L điện thoại cho H2 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì Hòa đồng ý và hẹn đến đường NB4A, khu phố C phường M để giao dịch. Đua điều khiển xe mô tô biển số 64F1- 384.95 chở L đi đến điểm hẹn. Đua ngồi trên xe, còn L đi đến gặp H2 mua được 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau đó, L và Đ về phòng trọ, L vào nhà vệ sinh lấy số ma túy bỏ vào nỏ thủy tinh sử dụng một mình nhưng không hết, L để số ma túy còn lại trong nỏ thủy tinh trên vách tường nhà vệ sinh để Đ và T sử dụng sau.

Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi L, Đ và T đang ở trong phòng trọ số 2 nhà trọ N thì lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã (nay là thành phố) B phối hợp Công an phường M đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ:

- Trên vách tường nhà vệ sinh có 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong nỏ thủy tinh chứa chất tinh thể màu trắng.

- 01 (một) điện thoại hiệu Vivo màu xanh không gắn sim của Đặng Quang T.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro màu xanh, gắn sim thuê bao số 0382717329 của Huỳnh Thắng L.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha R15, biển số 64F1 35495 màu xanh đen thu giữ của Lê Văn Đ.

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 30/11/2023, đối tượng tên Minh P (chưa rõ lai lịch) gọi điện thoại cho qua mạng xã hội Zalo Nguyễn Xuân H1 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì Hòa đồng ý và hẹn giao dịch tại đường N, khu phố C, phường M. Sau đó, H1 lấy 03 gói ma túy cất giấu vào ví da màu đen rồi đi bộ ra đường NB4A đứng chờ người mua đến để bán ma túy thì lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã (nay là thành phố) B phối hợp Công an phường M đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ: 03 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (M1).

Ngay sau đó, lực lượng công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H1 thu giữ:

- 01 hộp màu trắng, bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng (M3).

- 01 hộp màu nâu, bên trong có 05 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng (M2).

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- 01 thùng giấy bên trong có 29 đoạn ống thủy tinh thẳng dài 20 cm, đường kính 0,5cm.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 (một) điện thoại hiệu Oppo màu xanh đen không gắn sim thuê bao của Nguyễn Xuân H1 và ra Lệnh phong tỏa số tiền 1.100.000 đồng của Nguyễn Xuân H1 trong tài khoản số 9987400604 mở tại

Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh K1 (V).

Tại Cơ quan điều tra C (nay là thành phố) B, Nguyễn Xuân H1, Đặng Quang T, Huỳnh Thắng L và Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. T khai số tiền để mua ma túy sử dụng ngày 28/11/2023 và ngày 30/11/2023 là do T chơi game thắng có được.

Tại Kết luận giám định số 650/KL-KTHS ngày 07/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: mẫu tinh thể thu giữ ở phòng số 02 của Đặng Quang T, Huỳnh Thắng L, Lê Văn Đ gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1402 gam. Mẫu vật sau giám định được niêm phong chứa 0,1104 gam Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số 649/KL-KTHS ngày 08/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: mẫu tinh thể thu giữ của Nguyễn Xuân H1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: M1= 0,508 gam, M2= 1,0465 gam, M3= 0,1626 gam. Mẫu vật sau giám định được niêm phong chứa M1= 0,4644 gam, M2= 1,0182 gam, M3= 0,1431 gam Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Đặng Quang T, Lê Văn Đ, Huỳnh Thắng L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Đặng Quang T chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H1, Lê Văn Đ, Huỳnh Thắng L; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKSBC, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Quang T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết “Tái phạm” đối với bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng nghị đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2014/HSST ngày 06/8/2014, bị cáo Đặng Quang T bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bồi thường cho bà Mai Thị K số tiền 22.330.000 đồng, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 1.116.000 đồng. Ngày 22/9/2014, bị cáo T chấp hành xong án phí dân sự, hình sự sơ thẩm. Ngày 03/10/2015, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù. Về phần bồi thường, bị cáo T chưa chấp hành, bà Mai Thị K không có đơn yêu cầu thi hành án.

Theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự: “Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.”

Như vậy, đến ngày bị cáo T phạm tội (ngày 30/11/2023), thời hiệu thi hành án đối với phần bồi thường dân sự của bị cáo Đặng Quang T đối với bà Mai Thị K đã hết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Đặng Quang T có 01 tiền án, áp dụng tình tiết “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T là không đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương, về việc không áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét xử giảm nhẹ hình phạt co bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: từ ngày 27/11/2023 đến ngày

30/11/2023, tại phòng trọ số B, nhà T, đường NA12 thuộc khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Đặng Quang T có hành vi cùng Huỳnh Thắng I (chưa đủ 18 tuổi) và Lê Văn Đ mua ma túy đá của Nguyễn Xuân H1 (tiền của T) mang về cùng nhau sử dụng, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 27/11/2023, L điều khiển xe mô tô chở T đi mua ma túy đá mang về cùng sử dụng với Lê Văn Đ.

- Lần 2: Ngày 28/11/2023, L điều khiển xe mô tô chở Đ đi mua ma túy mang về cùng T sử dụng.

- Lần 3: Ngày 30/11/2023, Đ điều khiển xe mô tô chở L đi mua ma túy đá. L mang ma túy về bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy sử dụng một mình, phần ma túy còn lại (0,1402 gam loại Methamphetamine) trong bộ dụng cụ L mang cất giữ trên kệ kính treo trên tường để cho Đ, L sử dụng sau thì bị lực lượng Công an bắt, thu giữ.

Do đó, hành vi của Đặng Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Quang T về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích do chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường về trách nhiệm dân sự từ đó áp dụng tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không đúng trong áp dụng pháp luật. Bởi lẽ, “thời hiệu yêu cầu thi hành án là thời hạn mà người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án; hết thời hạn đó thì mất quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự”; đồng thời, trường hợp hết thời hiệu yêu cầu thi hành án là một trong những trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án. Theo Luật Thi hành án dân sự quy định: Thi hành án gồm hai phần: thi hành án chủ động và thi hành án theo yêu cầu; đối với thi hành án theo yêu cầu thì người được thi hành án phải có đơn yêu cầu nếu trong thời hạn thì Cơ quan Thi hành án sẽ tiến hành thi hành; nếu hết thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành không còn quyền yêu cầu thi hành án;

Theo hồ sơ thể hiện, ngày 06/8/2014, bị cáo Đặng Quang T bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bồi thường cho bà Mai Thị K số tiền 22.330.000 đồng, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 1.116.000 đồng. Ngày 22/9/2014, bị cáo T chấp hành xong án phí dân sự, hình sự sơ thẩm. Ngày 03/10/2015, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù. Về phần bồi thường, bị cáo T chưa chấp hành. Theo biên bản xác minh ngày 29/12/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, bà Mai Thị K không có đơn yêu cầu thi hành án.

Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 3, Điều 30, điểm c Điều 31 Luật Thi hành án dân sự đã thỏa mãn điều kiện hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, bị cáo được đương nhiên xóa án tích. Do đó, trường hợp này không xác định là có tiền án mà xác định là nhân thân.

Như vậy, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng nên chỉ sửa một phần bản án, không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKSBC ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS- ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương, về áp dụng điều luật; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đặng Quang T;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Quang T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.2 Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Đặng Quang T chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đặng Quang T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố B (03);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, HTHT, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Huỳnh Đ1

